

## DÒNG TIỀN TIẾP TỤC SUY YẾU

### CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG

<b>MUA</b>	Đối với hoạt động trading, nhà đầu tư có thể tham khảo vùng 1.240-1.250 điểm để mở các vị thế mua trading, ưu tiên các cổ phiếu sẵn có trong tài khoản.
<b>BÁN</b>	Đưa tỷ lệ đòn bẩy về ngưỡng an toàn, cơ cấu danh lợi danh mục.

### ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

<b>MBB</b>	<b>THEO DÕI</b>
	<b>↑ 13,33%</b>
	<b>VND 25.500</b>

### NHẬN ĐỊNH XU HƯỚNG VN-INDEX TRONG NGÀY

- **Diễn biến TTCK thế giới:** Phố Wall gần như đi ngang khi chốt lại phiên giao dịch nhiều biến động vào ngày thứ Hai (8/4), khi nhà đầu tư chờ dữ liệu lạm phát.
- **Xu hướng VN-Index ngắn hạn:** Thị trường tiếp tục có phiên giảm điểm nhẹ với thanh khoản xuống thấp nhất 2 tháng vừa qua, số mã giảm vẫn áp đảo số mã tăng trong đó những cổ phiếu tăng nóng trong thời gian vừa qua như nhóm Viettel, bán lẻ, cao su tiếp tục bị xả mạnh. Về mặt kỹ thuật, nhịp điều chỉnh của thị trường vẫn tiếp tục diễn ra, các chỉ số có thể trông đợi vào biên hỗ trợ tương đương mức giảm sâu nhất hôm 18/3. Đó là kịch bản tốt thị trường hình thành vùng dao động tích lũy. NĐT trong bối cảnh này cần giữ vững tâm lý và tuân thủ kỷ luật đầu tư.

### Thị trường thế giới

Chỉ số	Điểm số	%Chg	YTD
Dow Jones	38.892,80	-0,03	3,19
S&P 500	5.202,39	-0,04	9,07
Nasdaq	16.253,96	0,03	8,28
VIX	15,19	-5,24	22,01
DAX	18.318,97	0,79	9,36
FTSE 100	7.943,47	0,41	2,72
CAC40	8.119,30	0,72	7,64
Hang Seng	16.732,85	0,05	-1,85

Nguồn: Bloomberg

### ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN-INDEX



### Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng VN-Index	NEUTRAL	BUY	BUY

  

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
RSI (14)	46,02	NEUTRAL
MACD(12,26)	7,92	BUY
ADX(14)	21,87	NEUTRAL
SMA5	1.266,44	SELL
SMA20	1.268,45	SELL
SMA50	1.236,26	BUY
SMA100	1.180,62	BUY
SMA200	1.172,40	BUY

## ĐIỂM TIN CHÍNH

- Thị trường chứng khoán Mỹ gần như đi ngang khi chốt lại phiên giao dịch nhiều biến động vào ngày thứ Hai (8/4), khi nhà đầu tư chờ dữ liệu lạm phát và những báo cáo tài chính đầu tiên trong mùa công bố kết quả kinh doanh sắp khởi động. Giá dầu thô giảm sau khi có tin Israel rút bớt quân khỏi dải Gaza, trong khi giá bitcoin đạt cao nhất 3 tuần.
- Ngày 8/4, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã phát hành 3.200 tỷ đồng tín phiếu với kỳ hạn 28 ngày và lãi suất 2,9%/năm. Mức lãi suất trong phiên 8/4 là cao nhất kể từ khi NHNN mở lại kênh tín phiếu. Có tổng cộng 10 thành viên tham gia đấu thầu và 8 tổ chức trúng thầu, nhiều hơn đáng kể so với những phiên trước đó. Kênh cho vay cầm cố giấy tờ có giá không phát sinh thêm giao dịch mới. Trong khi đó, lô tín phiếu đầu tiên (phát hành ngày 11/3) đã đáo hạn, trả lại thị trường 15.000 tỷ đồng thanh khoản. Như vậy, trong phiên 8/4, NHNN đã bơm ròng tổng cộng 11.800 tỷ đồng.
- Thống kê từ FiinTrade, trong phiên từ ngày 01/04 - 05/04/2024, dòng tiền qua các quỹ ETF tiếp tục rút ròng hơn 551 tỷ đồng, ghi nhận đây là tuần thứ 8 liên tiếp dòng tiền ở trạng thái âm. Tuy nhiên, quy mô rút ròng đã giảm đáng kể. Trạng thái rút ròng diễn ra ở 12/20 quỹ, tập trung chủ yếu ở quỹ Fubon FTSE Vietnam ETF. Từ đầu tháng 4/2024, dòng tiền qua các quỹ ETF bị rút ròng hơn 551 tỷ đồng.
- HPG:** Tháng 3/2024, Tập đoàn Hòa Phát sản xuất 741.000 tấn thép thô, tăng 7% so với tháng trước. Sản lượng bán hàng các sản phẩm thép cuộn cán nóng (HRC), thép xây dựng, thép chất lượng cao và phôi thép đạt 693.000 tấn, tăng 34% so với tháng 2/2024 và tăng 39% so với cùng kỳ năm ngoái.
- TCM:** ĐHĐCĐ thường niên đã thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2024 với mục tiêu doanh thu đạt hơn 3.707 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt hơn 161,2 tỷ đồng, tăng trưởng lần lượt 12% và 21% so với thực hiện của năm ngoái. Tỷ lệ chia cổ tức dự kiến 12% bằng tiền hoặc bằng cổ phiếu tùy theo tình hình thực hiện kinh doanh của Công ty.
- NKG:** CTCP Thép Nam Kim sẽ tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 vào ngày 26/4 tại TP HCM. Theo tài liệu họp, doanh nghiệp lên kế hoạch tổng sản lượng đạt 1 triệu tấn. Về tài chính, doanh nghiệp đặt mục tiêu đạt 21.000 tỷ đồng doanh thu, lãi trước thuế 420 tỷ; tăng lần lượt 13% và 137% so với năm ngoái.
- DXG:** Năm 2024, DXG đặt mục tiêu doanh thu thuần và lãi ròng đạt lần lượt 3,900 tỷ đồng và 226 tỷ đồng, tăng 5% và 31% so với thực hiện 2023.

Nguồn: VPBankS Research

## Thị trường hàng hóa

Chỉ số	Giá (USD)	%Chg	YTD
Vàng	2.345,58	0,28	13,70
Dầu WTI	86,70	0,31	21,00
Dầu Brent	90,69	0,34	17,72
Than	128,20	-0,70	-12,43
Đồng	9.411,50	0,88	9,96
Quặng sắt	103,89	5,74	-24,67
Thép	522,00	0,00	-7,55

## Thị trường ngoại tệ

Chỉ số	Giá	%Chg	YTD
DXY	104,157	0,02	2,79
USD/JPY	151,88	-0,04	-7,14
USD/CNY	7,2327	-0,03	-1,83
EUR/USD	1,0861	0,02	-1,61
GBP/USD	1,2658	0,02	-0,57

## Lãi suất một số NHTW

NHTW	Lãi suất	Cuộc họp tiếp theo	Thay đổi gần nhất
FED	5,50%	01/05/2024	0
ECB	4,50%	11/04/2024	0
BOE	5,25%	09/05/2024	0
BOJ	0,10%	26/04/2024	0
SBV	6,50%	-	-50bp

## Top 5 CP có GTGD lớn nhất

Mã CP	GTGD	Giá	%Chg
STB	782,65	29.000	-2,03
SSI	446,20	36.700	-0,27
NVL	921,33	18.100	-1,09
DIG	577,96	32.100	0,31
VIX	649,91	18.950	-1,81

## Top 5 CP vốn hóa lớn nhất

Mã CP	Vốn hóa	Giá	%Chg
VCB	530.404,76	94.900	0,00
BID	289.582,14	50.800	1,20
VHM	187.237,80	43.000	0,12
GAS	183.279,84	79.800	-1,36
VIC	182.388,66	47.700	-0,21

Nguồn: Investing, Bloomberg, VPBankS Research

# MBB

## Khuyến nghị

Giá hiện tại

Giá mục tiêu

Tiềm năng tăng giá

Vùng giải ngân

Ngưỡng cắt lỗ

## THEO DÕI

23.500

25.500

13,33%

21.900-22.500

<21.200

## THÔNG TIN CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

- Tiềm năng tăng trưởng lợi nhuận của MBB được hỗ trợ bởi 3 yếu tố tích cực. Thứ nhất, quy mô tín dụng của MBB được kỳ vọng tiếp tục tăng trưởng. Thứ hai, tận dụng lợi thế nguồn vốn thấp và tỷ lệ CASA cao sẽ giúp tỷ lệ NIM năm 2024 mở rộng hơn và dự kiến tăng về mức trên 5% sau khi tạo đáy trong năm ngoái. Thứ ba, là ngân hàng sở hữu lợi thế hệ sinh thái dịch vụ tài chính toàn diện, bao gồm cho vay tiêu dùng, bảo hiểm, môi giới chứng khoán và quản lý quỹ.
- MBB cũng thuộc Top 5 khoản đầu tư nắm giữ lớn nhất tại các quỹ bao gồm: VCBF, Vinacapital, BVPF, TBLF, SSISCA, VEOF

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

- Mặc dù MBB đang có mức chỉnh hơn 10% kể từ đỉnh ngắn hạn nhưng xu hướng tăng trung và dài hạn vẫn đang được giữ vững. Nhà đầu tư có thể theo dõi diễn biến của cổ phiếu trong 1-2 phiên tới để có chiến lược giải ngân phù hợp, vùng hỗ trợ mạnh quanh 22.000 đồng.

## Thông tin tài chính

	FY2021	FY2022	Q4 2023
<b>DTT (tỷ đ)</b>	36.934	45.593	11.750
<b>LNTT (tỷ đ)</b>	16.527	22.729	6.287
<b>LNST (tỷ đ)</b>	13.221	18.155	5.045
<b>Ng/VCSH (%)</b>	117	117	130
<b>ROE (%)</b>	23,63	25,80	24,51
<b>ROA (%)</b>	2,30	2,62	2,47
<b>EPS (VNĐ)</b>	2.435	3.353	3.966
<b>P/E (lần)</b>	8,6	4,4	5,89
<b>P/B (lần)</b>	1,83	1,02	1,31

Nguồn: VPBankS Research

## ĐỒ THỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU



## Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
<b>Xu hướng</b>	<b>SELL</b>	<b>BUY</b>	<b>BUY</b>
<b>Chỉ báo kỹ thuật</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Hành động</b>	
<b>RSI (14)</b>	42,21	<b>NEUTRAL</b>	
<b>MACD(12,26)</b>	0,11	<b>BUY</b>	
<b>ADX(14)</b>	27,19	<b>SELL</b>	
<b>SMA5</b>	23.930	<b>SELL</b>	
<b>SMA20</b>	24.260	<b>SELL</b>	
<b>SMA50</b>	23.700	<b>SELL</b>	
<b>SMA100</b>	21.330	<b>BUY</b>	
<b>SMA200</b>	19.840	<b>BUY</b>	

# DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
<b>Danh mục theo dõi</b>										
1	MBB	Theo dõi	21,9-22,5			25,5	21,2			
2	KBC	Theo dõi	30,9-32			36	30,4			
3	SSI	Theo dõi	35,6-36,5			40,1	34,3			
<b>Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua</b>										
1	MWG	Nắm giữ	45-47,5	5/3/2024	47,5	54,3	44,2			5,26%

**Lưu ý:** Các mã khuyến nghị đầu tư dựa trên yếu tố dòng tiền đầu cơ và có xu hướng tích lũy/tăng trong ngắn hạn theo phương pháp phân tích kỹ thuật.

## DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	MWG	Chốt lời	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	54,8	37,8	31/7/2023	54	32,35%
2	NLG	Chốt lời	31,3-32,45	9/6/2023	32	38,3	30,2	18/7/2023	38,3	19,69%
3	MWG	Hạ tỷ trọng	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	47,8	37,8	11/7/2023	48,8	19,61%
4	DGW	Chốt lời	54,5-56	16/2/2024	56	63,2	53,9	13/3/2024	64,3	16,07%
5	HCM	Chốt lời	21,1-22	20/12/2023	21,9	24,3	20,4	2/1/2024	25,4	15,98%
6	SSI	Chốt lời	27,8-28,8	26/10/2023	27,2	32,8	26,9	10/11/2023	31,5	15,81%
7	DBC	Chốt lời	20,3-20,6	20/6/2023	20,6	23,6	19,2	6/7/2023	23,85	15,78%
8	DGW	Chốt lời	32,4-33	16/5/2023	33	37,2	30,7	6/6/2023	37,8	14,55%
9	VPB	Chốt lời	18,6-19,2	26/4/2023	19,2	22,6	17,9	1/8/2023	21,95	14,32%
10	ANV	Chốt lời	34,8-36,3	11/9/2023	36,3	41,2	33,8	22/9/2023	41,2	13,50%
11	DGW	Chốt lời	49-51,5	21/11/2023	50	57,8	48	8/1/2023	56,7	13,40%
12	HCM	Chốt lời	25,9-26,3	12/6/2023	26,3	29,5	24,5	5/7/2023	29,8	13,31%
13	SSI	Chốt lời	28,0-28,6	1/8/2023	28,6	33,5	27,4	25/8/2023	32,3	12,94%
14	PVS	Chốt lời	30,4-31,2	22/8/2023	31,2	35,2	29,3	30/8/2023	35,2	12,82%
15	HPG	Chốt lời	24,8-25,8	22/8/2023	25,8	29,1	24	7/9/2023	29,1	12,79%
16	NKG	Chốt lời	17,3-17,7	5/7/2023	17,5	20,4	16,3	21/7/2023	19,7	12,57%
17	KSB	Chốt lời	26,6-27,1	8/6/2023	27,1	30,5	25,2	27/6/2023	30,5	12,55%
18	NKG	Chốt lời	20,3-20,8	24/11/2023	20,8	23,9	19,6	30/11/2023	23,35	12,26%
19	HAH	Chốt lời	34-35,5	23/11/2023	35	40,7	32,9	26/12/2023	39,2	12,00%
20	GVR	Chốt lời	18,9-19,3	28/6/2023	19,3	22,3	18	11/7/2023	21,6	11,92%
21	VCG	Chốt lời	25,5-26,2	18/8/2023	26,2	29,3	24,5	5/9/2023	29,3	11,83%

# DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	VCI	Chốt lời	41,5-42,5	29/12/2023	42	48,2	40	21/2/2024	45	7,14%
2	DXG	Cắt lỗ	18,6-19,2	5/1/2024	19	21,5	18	23/2/2024	18	-5,26%
3	VHC	Chốt lời	63,5-65	19/2/2024	64,7	71,5	60,9	28/2/2024	70,9	9,58%
4	VGC	Chốt lời	51,8-53,5	31/1/2024	52,5	59,1	49,8	5/3/2024	56,9	8,19%
5	VCG	Cắt lỗ	24,8-25,2	29/1/2024	25,2	28,5	23,9	11/3/2024	23,9	-5,16%
6	DGW	Chốt lời	54,5-56	16/2/2024	56	63,2	53,9	13/3/2024	64,3	16,07%
7	VCI	Chốt lời	46-48	6/3/2024	47,5	55,2	44,5	15/3/2024	52,3	11,58%
8	VND	Cơ cấu	22,8-23,8	4/3/2024	23	27,3	21,8	26/3/2024	23,05	0,22%
9	NKG	Chốt lời	23-23,8	15/3/2024	23,75	27,6	22,4	28/3/2024	26,1	9,89%
10	VGC	Chốt lời	54-55,5	13/3/2024	55,5	61,8	51,8	2/4/2024	58,7	6,31%
11	KSB	Cơ cấu	25,5-26,5	15/3/2024	26,2	29,5	24,6	2/4/2024	26,2	0,00%
12	DPM	Cơ cấu	34,5-36	27/3/2024	35,85	39,8	33,8	2/4/2024	35,55	-0,84%
13	STB	Cắt lỗ	30-31,5	29/2/2024	31,3	35,6	29,1	5/4/2024	29,5	-5,75%
14	CII	Cắt lỗ	18,8-19,5	28/3/2024	19,3	21,8	18,5	5/4/2024	18,55	-3,89%
15	HSG	Cắt lỗ	22,8-24	3/4/2024	24	27,1	22,8	5/4/2024	22,8	-5,0%

Email: [Chienluochitruong@vpbanks.com.vn](mailto:Chienluochitruong@vpbanks.com.vn)

Theo dõi chúng tôi tại:



Mã mời giới  
116C820618



Mở tài khoản VPBankS tại:

## Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Chiến lược thị trường chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Chiến lược thị trường không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Báo cáo được lập với mục đích dự báo, cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, được sử dụng như thông tin tham khảo trong nội bộ VPBankS và VPBank. Chúng tôi không chịu trách nhiệm với các lan truyền thông nằm ngoài phạm vi này.

Bản quyền báo cáo thuộc về VPBankS, mọi hành vi sao chép, sửa đổi từng phần hoặc toàn bộ báo cáo là vi phạm bản quyền.

1

### TƯ VẤN ĐẦU TƯ

**Khuyến nghị:**

- ACE NĐT vẫn tiếp tục tận dụng những phiên tăng điểm chốt lời ngắn hạn và tái cấu trúc mua tại khi TT điều chỉnh giảm điểm.
- Vùng hỗ trợ chi số VNI : 1150-1165.

Thống kê ngày 10/1/2024

Mã CP	NVL	Tỷ lệ
Mua	16.14.5	
Cứu hộ	Đỉnh 14	-4.17%
Chỉ số (1/10%)	18.89	-1.3%
Chỉ số (1/10%)	18.22	-0.37%
Mã CP	NSSN	Tỷ lệ
Mua	65.66	
Cứu hộ	Khả năng ĐCA và 41.62	-4.4%
Chỉ số (1/10%)	Đỉnh 99	-1.2%
Chỉ số (1/10%)	72.78	-1.7%
Chỉ số (1/10%)	Nằm gần	-1.4%
Mã CP	GEX	Tỷ lệ
Mua	21.21.3	
Cứu hộ	Đỉnh 8	-4.4%
Chỉ số (1/10%)	23.24	-7%
Chỉ số (1/10%)	25.4.24	-1.3%

Ngoài những cp theo nhóm ngành đặc thù đã khuyến nghị, ACE tham khảo thêm CP khác theo khuyến nghị.

2

### CHỐT LÃI HÀNG NGÀY

Mã chứng khoán	MWG
Tổng khối lượng CK	130,000
Giá vốn trung bình	43.34
Gốc đầu tư	99800 đ
Giá trị thặng dư	8,280,000,000 đ
Lãi/lỗ (đây là lãi)	+479,500,200 đ (10.15%)

Một số mã cổ phiếu đáng chú ý:

- BNP: Lợi nhuận sau thuế đạt 257 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ.
- ANV: Doanh thu đạt 4.439 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế chỉ còn 42 tỷ đồng, giảm lần lượt 0% và 94% so với năm 2022.
- MCM: Doanh thu gần như đi ngang nhưng lợi nhuận sau thuế tăng 8% so với năm 2022.
- MSB: Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 5.830 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2022.

Chúc mừng ACE đã mua HPG dưới 27.2 như khuyến nghị ngày 10/1, PVD giá 27.x theo khuyến nghị 22/1.

3

### THAM GIA NHÓM ZALO



Quét mã hoặc truy cập  
[ginlabs.vn/room](https://ginlabs.vn/room)